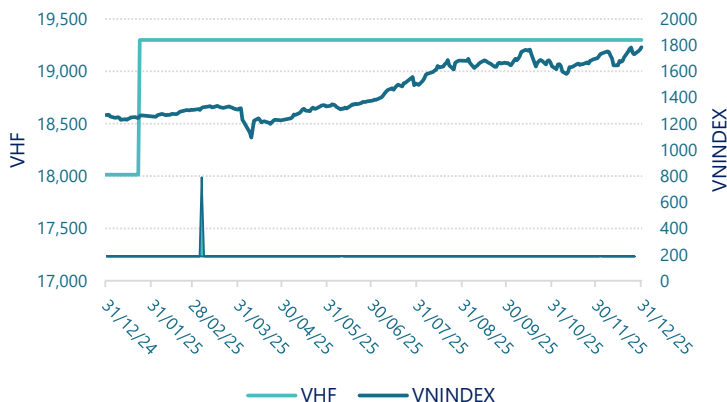




CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà (UPCOM: VHF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,013
SL cổ phiếu LH	21,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	415
P/E	59.8
EPS	323

DT thuần

Q4/25

247

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 155 | 167%

YoY: ▲ 84.0 | 51.4%

LN sau thuế

Q4/25

0.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.88 | -48.8%

YoY: ▲ 1.89 | 195%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.8%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

620

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0 | 9.0%

LN sau thuế

2025

6.94

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.99 | 40.3%

ROE

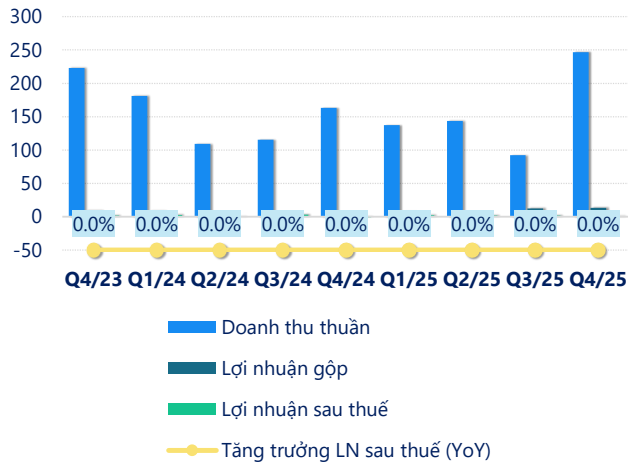
2025

3.0%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

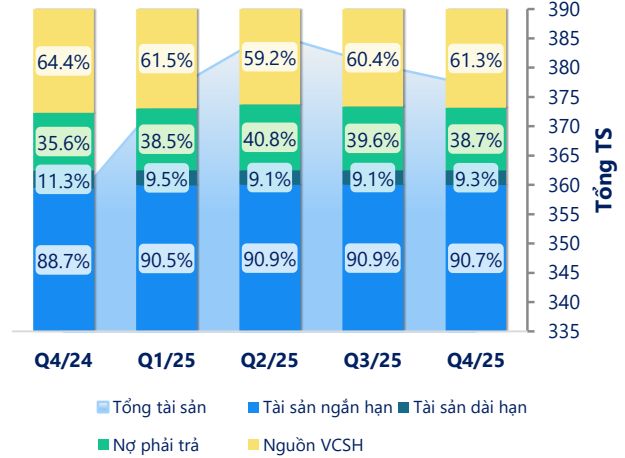
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

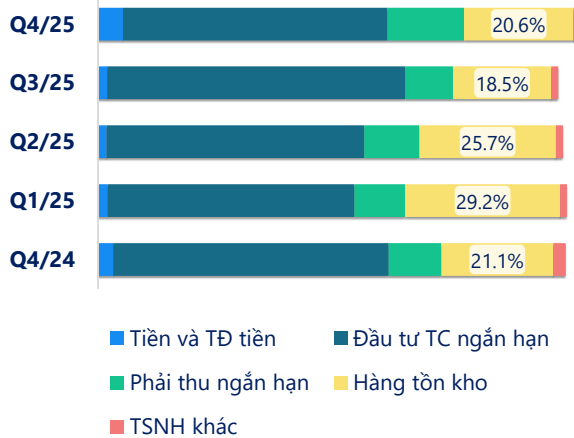
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



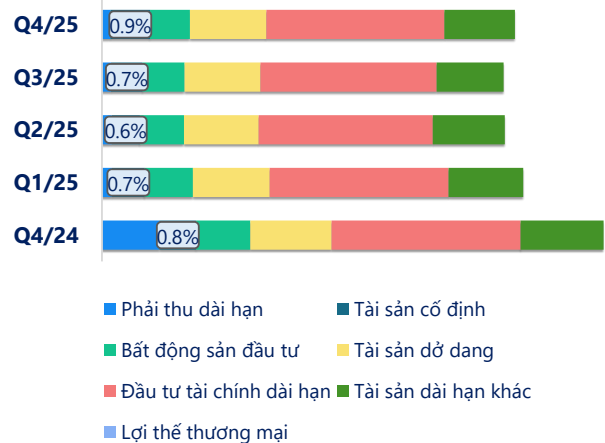
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

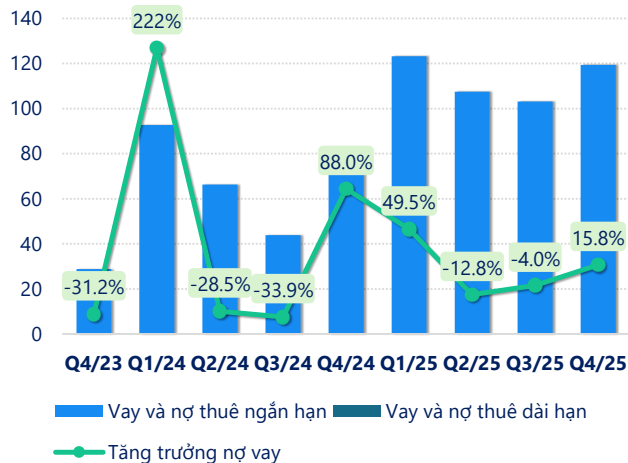
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

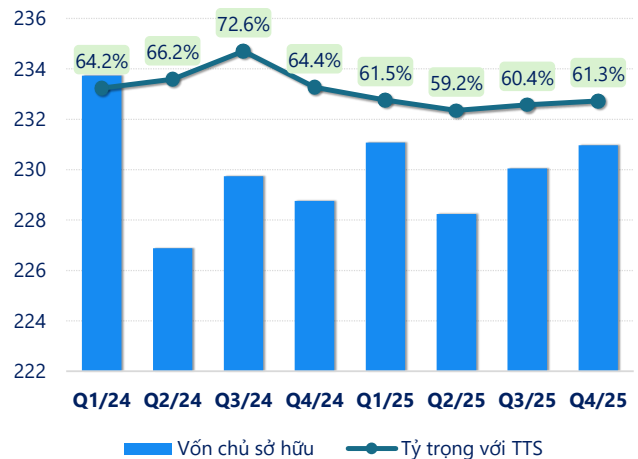
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

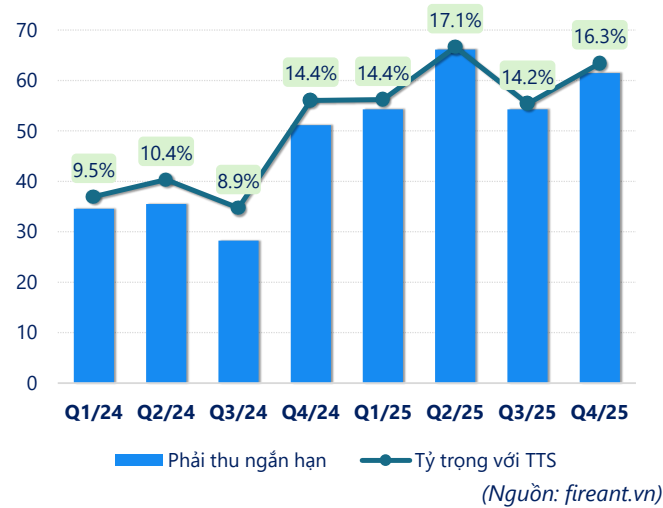
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

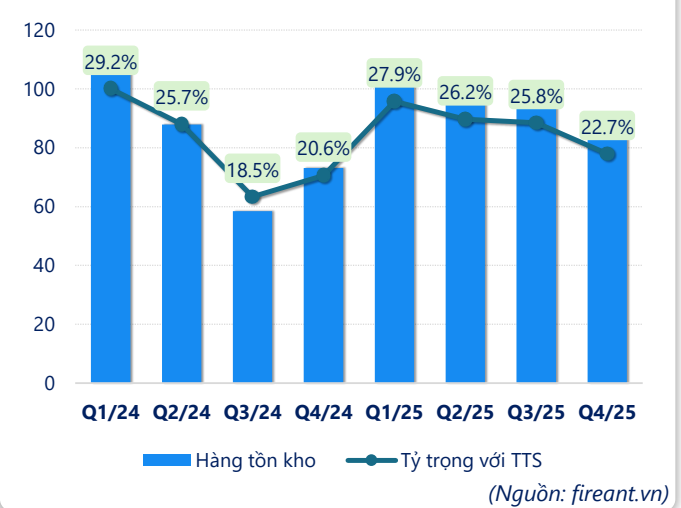


(Nguồn: fireant.vn)

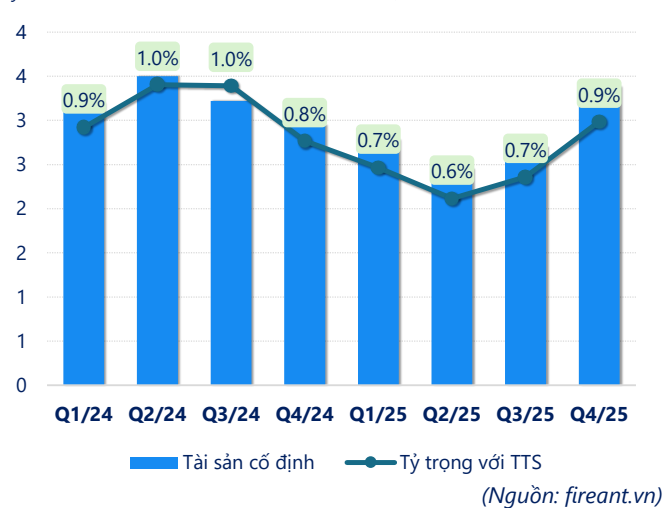
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


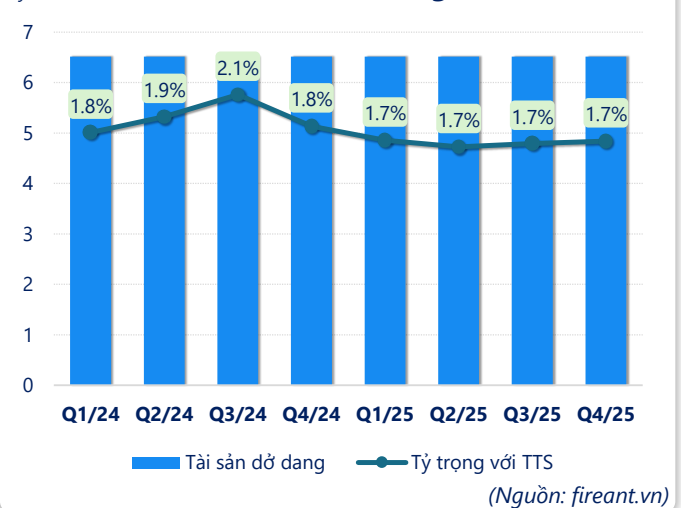
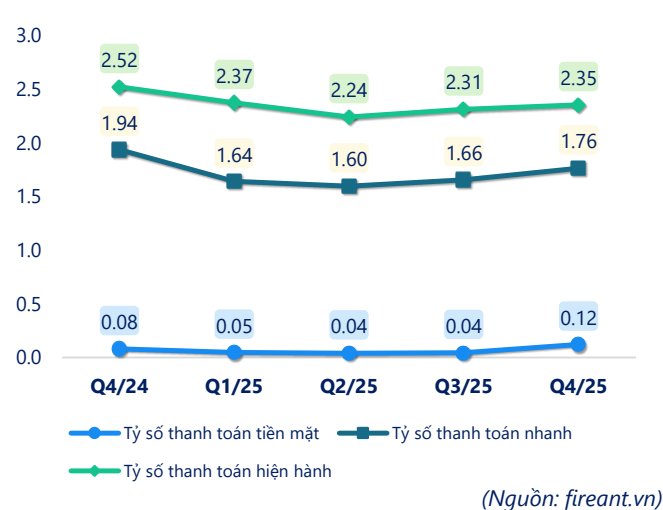
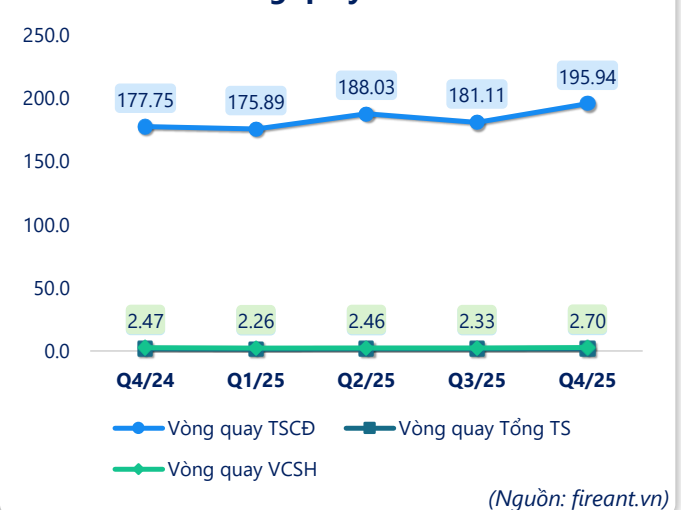
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	355	376	386	381	377
Tài sản ngắn hạn	315	340	351	346	342
Tiền và tương đương tiền	9.97	6.70	6.19	6.56	17.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	177	170	174	183	167
Phải thu ngắn hạn	51.2	54.3	66.1	54.2	61.5
Hàng tồn kho	73.1	105	101	98.2	85.7
Tài sản ngắn hạn khác	4.10	4.39	3.93	3.92	10.3
Tài sản dài hạn	40.2	35.7	35.1	34.5	35.1
Phải thu dài hạn	4.60	0.85	0.85	0.79	0.72
Tài sản cố định	2.95	2.78	2.45	2.70	3.38
Bất động sản đầu tư	4.33	4.09	3.85	3.61	3.38
Tài sản dở dang	6.51	6.51	6.51	6.51	6.51
Đầu tư tài chính dài hạn	15.1	15.1	15.1	15.1	15.1
Tài sản dài hạn khác	6.66	6.34	6.29	5.74	6.00
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	126	145	158	151	146
Nợ ngắn hạn	125	143	157	150	145
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.4	123	107	103	119
Phải trả người bán ngắn hạn	34.1	8.61	27.7	12.2	11.9
Nợ dài hạn	1.46	1.27	1.07	0.86	0.67
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	229	231	228	230	231
Vốn chủ sở hữu	229	231	228	230	231
Vốn điều lệ	215	215	215	215	215
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)